

NGŨ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ TRONG HÁT GHEỌ THANH HÓA

Lê Thị Thu Bình¹

TÓM TẮT

Tiếp cận ở bình diện ngôn ngữ học, trên cơ sở từ ngữ hát Gheọ được khảo sát trong cuốn “Dân ca Thanh Hóa, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1965 của nhóm Lam Sơn”, bài viết làm nổi bật giá trị ngữ nghĩa của từ ngữ hát Gheọ Thanh Hóa trong lời ca của nam nữ qua từng chặng hát. Kết quả của bài viết góp phần vào việc nghiên cứu lớp từ vựng tiếng Việt trong văn học dân gian, qua đó, nhận ra nét độc đáo trong di sản văn hóa tinh thần xứ Thanh, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của quê hương Thanh Hóa, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Hát Gheọ, dân ca, từ ngữ, ngữ nghĩa của từ ngữ, bản sắc văn hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là thể thơ dân gian, gắn với môi trường diễn xướng có hình thức đối đáp giao duyên nam nữ, hát Gheọ Thanh Hóa với những đặc sắc về từ ngữ đã góp phần thể hiện tâm hồn, đời sống của người bình dân xứ Thanh từ xa xưa. Hát Gheọ Thanh Hóa đã được các nhà nghiên cứu quan tâm, tuy nhiên mới dừng lại ở phương diện văn học, văn hóa và âm nhạc, chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều ở phương diện ngôn ngữ học. Vì vậy, việc nghiên cứu từ ngữ trong hát Gheọ sẽ góp phần vào việc nghiên cứu từ vựng tiếng Việt trong dân ca Thanh Hóa, thấy được nét độc đáo trong di sản văn hóa tinh thần của xứ Thanh, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của quê hương Thanh Hóa, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở từ ngữ được khảo sát qua 695 câu hát trong cuốn “*Dân ca Thanh Hóa, Nxb Văn học, Hà Nội, 1965 của nhóm Lam Sơn*”, bài viết sẽ tập trung làm rõ giá trị ngữ nghĩa của lớp từ ngữ hát Gheọ Thanh Hóa thể hiện qua phần lời trong từng chặng hát.

2. NỘI DUNG

Theo các nhà nghiên cứu dân ca Thanh Hóa: “*Hát gheọ Thanh Hóa ra đời trên cơ sở kinh tế nông nghiệp, lao động tập trung của những người dân Thanh Hóa ngày xưa. Từ làng này qua làng khác trước đây vẫn có những phường cấy, phường gặt đi làm lấy công. Đầu tiên có lẽ là những buổi làm việc chung như thế. Dần dần lời ca tiếng hát đã vang lên giữa cánh đồng bát ngát. Tốp này hát, tốp kia trả lời, lâu dần việc phát huy văn nghệ đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu*” [4; tr.19]. Hát Gheọ được diễn ra dưới hai hình thức: hát lẻ và hát cuộc. Hát lẻ là hát thông thường bất chợt năm mười câu. “*Trai gái gặp nhau “gheọ” nhau dăm ba câu rồi chia tay*” [7]. Còn hát cuộc được tiến hành ngoài giờ lao động sản xuất. Hát cuộc thường được tổ chức vào tháng bảy, tháng tám âm lịch. Cuộc hát kéo dài cả buổi, thậm chí suốt đêm giữa bên nam và bên nữ. Trong hát Gheọ Thanh Hóa, hát cuộc là chủ yếu. Và vì thế nói đến hát gheọ Thanh Hóa là nói đến hát cuộc. Hát cuộc chia thành ba chặng. Chặng thứ

¹ Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hồng Đức

nhất là chặng mở đầu cuộc hát, cuộc hát này gồm có ba lời là *hát dạo, hát mừng, hát thăm*. Chặng thứ hai cuộc hát gồm *hát đối, hát đố, hát xe kết*. Chặng thứ ba cuộc hát gồm có *hát thể, hát dặn, hát tiễn*. Mỗi một chặng hát, từ ngữ trong hát Gheo luôn mang một ngữ nghĩa nhất định, bày tỏ trạng thái tình cảm của người hát với mục đích chủ yếu là giao duyên.

2.1. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát gheo ở chặng thứ nhất

Đây là chặng mở đầu cuộc hát, gồm 200 câu, chiếm $200/695 = 28,7\%$ trong tổng số câu hát Gheo. Hát Gheo chặng này có ba lời là *hát dạo, hát mừng, hát thăm*.

2.1.1. Ngữ nghĩa của từ ngữ trong hát dạo

Hát dạo là “hát những lời ướm thử, lời tự giới thiệu mình, nêu lên cái có mà mình tới đây” [4; tr.20]. Nghe hát dạo, đối phương cũng phải hát dạo để trả lời lại. Nội dung là những câu ướm hỏi, hàm ý lạ lùng, chưa quen biết. Trong hát dạo, người con trai chủ động ra lời trước và thường lấy cánh làm cớ để ướm hỏi. Lối từ ngữ thể hiện rõ trong hát dạo là các danh từ định danh cánh vật, con người, các tính từ chỉ trạng thái tình cảm: “Phượng hoàng cất cánh bay qua/ Thấy cây tươi tốt liền sà xuống chơi/ Có cho ta ở ta chơi/ Không cho, thì cũng lằm nơi hữu tình”... “Đâu đây cho tiện đi về/ Vui chùa mển cảnh mệt mê sự tình” [4; tr.154]. Người con gái cũng đáp lại lời ướm hỏi của chàng trai bằng những câu hàm ý dạo đầu tình cảm: “Đêm qua tựa gối loan phòng/ Dầu hao thiếp rót, đèn chong canh dài/ Chờ chàng canh một canh hai/ Canh ba, canh bốn,... đêm dài như sông.” [4; tr.155].

2.1.2. Ngữ nghĩa của từ ngữ trong hát mừng

Khi hai bên đã bắt lời dạo của nhau, lòng đã ưng, tình đã thuận, người con trai tỏ ra lịch sự, hát mừng, lạc quan hồ hởi, tình tứ, có nhiều hứa hẹn và bắt đầu đi vào tìm hiểu: *Tình cờ ta lại gặp ta/ Vui bằng mở hội tháng ba đến Sông*. Người con gái cũng tỏ ra hồ hởi, vui mừng vì đã gặp được ý trung nhân: “*Hôm nay gặp buổi êm trời/ Má đào lại được sánh người trượng phu/ Bây giờ ta gặp nhau đây/ Như con cá cạn gặp ngày trời mưa.*” [4; tr.155].

2.1.3. Ngữ nghĩa của từ ngữ trong hát thăm

Hát thăm là hát tìm hiểu sâu về quê quán, tên họ, gia đình... Lời hát thăm chủ yếu là của người con trai. Họ hỏi thăm quê quán bằng những từ ngữ mộc mạc, chân tình, cụ thể là qua các danh từ, ngữ danh từ chỉ địa danh về quê quán, nghề nghiệp: “*Hỏi thăm quê quán ở mơ?/Tiền đây trâu héo, cau khô xin mời*”. Người con gái đáp lại bằng những từ ngữ chỉ quê quán xác định rõ ràng: “*Phù Hà quê quán xưa nay/ Mẹ cha đã định những ngày còn thơ*” [4; tr.157]. Từ tìm hiểu về gia đình, nam nữ đi vào tìm hiểu anh em trong gia đình, bản thân. Người con gái chủ động hỏi trước: “*Nhà anh mấy bậc anh hào?/ Mấy người tài đức, mấy người sắc phong?/ Mấy người đờ đốc, quận công?/ Mấy người nho sĩ, bồng rỗng nay mai?/ Mấy người con gái con trai?/ Mấy người chị ruột, mấy người em dâu?/ Ruộng vườn nhà anh ở đâu?/ Hỏi thăm mấy quán mấy cầu đến nơi?/ Tuổi anh nay độ mấy mươi./ Thì anh kể hết đầu đuôi em tường/ Người con trai trả lời cụ thể thân thể gia đình mình, tự hào về quê hương, gia đình của mình: “*Quê quán anh ở Tỉnh Gia/ Anh mong nhan sắc miệng hoa má đào./ Nhà anh ba bậc anh hào/ Bốn người tài đức, năm người sắc phong/ Sáu người đờ đốc**

quận công/Bây người nho sĩ, bàng rông nay mai/ Tám người con gái, con trai./Chín người chị ruột, thiếu người em dâu/Ruộng vườn anh ở Sơn châu/Hỏi thăm ba quán, bốn cầu đến nơi./Tuổi anh vừa chẵn đôi mươi,/Anh đã kể hết đầu đuôi em tương.” [4; tr.159, 160]. Sau lời hỏi thăm vừa thực vừa mang tính dạo đầu, nam nữ đã tiến xa hơn một bước nữa là hỏi thăm về tình duyên. Đây mới là mục đích chính của lời *hát thăm*. Người con trai lại chủ động hỏi trước. Trước tiên là bằng những từ ngữ bóng gió để tỏ tình: “*Chiều chiều bướm đậu vườn hoa/ Có cho bướm đậu, hay lùa bướm đi?*”. Và sau đó là hỏi trực tiếp, đi thẳng vào vấn đề: “*Nước chảy hòn đá trôi nghiêng/ Chi e em có chồng riêng ở nhà*”. Người con gái cũng khéo léo tế nhị đáp lại bằng những từ ngữ ẩn dụ “*bướm đậu*”, “*vườn hoa*”: “*Bướm đậu ai dám lùa đi/ Vườn hoa thêm đẹp, người thì có đôi*”. Và trả lời thẳng vào vấn đề: “*Chưa chồng em mới kết duyên/ Chồng rồi, chớ dám kết duyên tội trời.*” [4; tr.158].

2.2. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát ghẹo ở chặng thứ hai

Ở chặng hát thứ hai có 374 câu, chiếm $374/695 = 53,9\%$ tổng số câu hát. Chặng hát này thể hiện qua các hình thức *hát đối*, *hát đố*, *hát xe kết*.

2.2.1. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát đối

Hát đối là “*những khúc hát thù tài nhau*”, là “*để thử thách tình thần*” [4; tr.21]. Bên nữ cất giọng trước với nội dung thử xem chàng trai đã thực sự yêu thương mình chưa. Chàng trai thừa nhận đã “*ưng*”, đã “*thâm yêu*”. Từ ngữ trong hát đối thường là các danh từ, ngữ danh từ chỉ những vật dụng, công việc gắn bó hàng ngày với nghề nông, giã dị, để hiểu, về đối cân xứng hài hòa.

Nữ đối: “*Vì sàng cho gạo xuống nông,
Vi anh, em phải long đong cả ngày*”

Nam đối lại: “*Vì giãn cho cám xuống nia
Vi em, anh phải đi khuya về thăm*”. [4; tr.163]

2.2.2. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát đố

Nếu như hát đối là những khúc hát thù tài nhau, kiểm tra kiến thức của nhau về những tri thức thông thường của “*nhà nông*”, thì trong hát đố, nam nữ lại tiếp tục thử tài nhau qua hình thức đố, từ kiến thức đơn giản gần gũi với đời sống thường ngày cho đến kiến thức trong sách vở. Bên nữ đố trước. Trước hết là thách nhau trả lời những câu hỏi thông thường mang tính mào đầu như: “*Đố anh dưới âm phủ mấy vua/ Trên trần gian có chợ, bán mua mấy người?*”. Nam trả lời: “*Dưới âm phủ có một ông vua/ Trên trần có chợ, bán mua hai người*” [4; tr.164]. Sau đó là đố về những sự vật, con vật gắn với sinh hoạt đời thường như *trầu cau*, *thuyền bè*, *gương*, *lược*, *nón*, *quạt*, *gà*, *hươu*..., từ đó ngụ ý tỏ tình. Nữ đố: “*Gặp mình ta đố chuyện ni,/Cái chi mà chát, cái chi mà nông?/Cái chi mà ở dưới sông?/Cái chi trên đồng, chi ở rừng xanh?/Cái chi mà lại tu hành?/Cái chi mà ở một mình lấm con?/Cái chi mà lại tròn tròn?/Cái chi đẹp giòn chi để cầm tay?/Minh ơi, mình giàng ta hay!/Minh mà giàng được ta nay theo về*”. Người con trai giải đố và lồng lời tỏ tình rất tế nhị: “*Minh đố ta giàng cho nghe,/Cau kia thì chát, với kia thì nông,/Thuyền bè thì ở dưới sông/ Lúa mạ trên đồng, hươu vượn rừng*

xanh.../... Cái gương mặt nguyệt tròn tròn/Cái nón đẹp giòn, cái quạt cầm tay./Ta đã giàng được mình hay!/Minh đã nghe hết, mình nay thế nào ? [4; tr.170,171].

Từ đó về kiến thức thông thường, nam nữ tiếp tục thử tài, kiểm tra kiến thức của nhau qua những kiến thức sách vở như sự hiểu biết về Truyện Kiều, về đồ Kiều, chiết tự, đồ điển tích...

Đầu tiên là đó sự hiểu biết về Truyện Kiều. Ở nội dung này, cả người đố và người trả lời rất am hiểu tỏ tường về Truyện Kiều. Nam đố trước: “*Đồn em hay truyện Thúy Kiều/Lai đây mà giàng mấy điều cho mình:Vi đâu Kiều gặp Kim sinh?/Vi đâu Kiều phải bán mình chuộc cha/...Bao nhiêu nghĩa thâm, tình thương./Em ơi, giàng hết mọi đường anh nghe!*”. Nữ giải đố: “*Em đây thông truyện Thúy Kiều /Em xin giàng hết mọi điều, mọi tình/Chơi xuân, Kiều gặp Kim sinh./Vi thằng hàng tá, Kiều phải bán mình chuộc cha./.../Bao nhiêu nghĩa thâm, tình thương/Em đã giàng hết mọi đường anh nghe.*” [4; tr.165].

Trên cơ sở hiểu biết về Truyện Kiều, các chàng trai, cô gái tiếp tục thử tài nhau qua trò chơi văn nghệ dân gian là đố Kiều. Đặc điểm của trò chơi đố Kiều trong dân gian là khi chơi trò này, cả người ra câu đố và người giải đố thường dùng thơ và chủ yếu là thơ lục bát để chuyển tải ý của mình. Trò chơi đố Kiều diễn ra ở nhiều nơi, dưới nhiều hình thức khác nhau. Đố Kiều thường diễn ra trong các cuộc hát dân gian. Yêu cầu người tham gia đôi phải hiểu truyện Kiều, có cách phản ứng nhanh trong việc diễn tả ý của mình dưới hình thức thể thơ lục bát. Trong hát gheo, các chàng trai, cô gái thông qua đố Kiều để thử tài trí của “đối phương”. Nam đố trước, nội dung câu đố yêu cầu người giải đố phải hiểu và nhớ được từ ngữ trong Truyện Kiều: “*Thúy Kiều em đã thuộc lâu./Đố em kể được bốn câu ba chữ trùng?*” Nữ trả lời trùng vào trọng tâm của câu đố, chứng minh cho người con trai thấy sự hiểu biết, am tường về truyện Kiều của mình: “*Kể từ sen ngó đào tơi/Mười lăm năm ấy, bảy giờ là đây./Nhưng là rày ước mai ao,/Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!/Từ con lưu lạc quê người/Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm./Mười lăm năm bấy nhiêu lần/Làm gương cho khách hồng quần thử coi*” [4; tr.165,166]. Hiểu biết về truyện Kiều, đố Kiều cho ta thấy những người làm nghề nông xưa không những chỉ giỏi về nghề nông nghiệp mà còn có sự hiểu biết am tường về kiến thức sách vở, kiến thức văn chương.

Điều đặc biệt nữa là trong hát đố, nghệ thuật chơi chữ được người bình dân sử dụng rất tài tình. Điều đó cho chúng ta cảm nhận được sự quan sát, cách tri nhận, cách liên tưởng độc đáo và trí thông minh của người dân lao động. Chẳng hạn đó về địa danh những huyện miền trung du và đồng bằng tỉnh Thanh Hóa, các phương tiện ngữ âm, phương tiện từ vựng ngữ nghĩa,... được vận dụng rất linh hoạt. Nữ đố: “*Ở đâu lấm đá anh ơi/Ở đâu lấm nước anh thời biết không?/Ở đâu mà lại lấm sông?/Ở đâu mà lại lấm ông lão già?/Ở đâu chỉ có toàn đa?/Ở đâu chỉ có những là xương hom?/Ở đâu lấm núi cùng non?/Ở đâu mà lấm lá còn đang tơi?/Ở đâu mà lấm ông đồ?/Ở đâu hóa phép từ xưa rất tài.*” Nam đáp: “*Huyện Thạch lấm đá mình ơi/Huyện Thủy lấm nước, mình thời biết không?/Phù Hà là chốn lấm sông/Phù Thọ là đất lấm ông lão già,/Phù Tĩnh (Tĩnh Gia) chỉ thấy toàn đa./Huyện Quảng (Quảng Xương) chỉ có những là xương hom./Đông, Nga lấm núi cùng non/Vĩnh, Hậu mà lấm lá còn đương tơi./Nông Công thì lấm ông đồ/Thiệu, Hoảng Hóa phép từ xưa rất tài.*” [4; tr.172,173] (Huyện Thạch chỉ huyện Thạch Thành; huyện Thủy

chi huyện Cẩm Thủy; phủ Hà chi huyện Hà Trung; phủ Thọ chi huyện Thọ Xuân; phủ Tĩnh chi huyện Tĩnh Gia; Đông, Nga chi hai huyện Đông Sơn và Nga Sơn; Vĩnh, Hậu chi hai huyện Vĩnh Lộc và Hậu Lộc; Thiệu, Hoảng chi hai huyện Thiệu Hóa và Hoảng Hóa).

Gắn với ruộng đồng, sông nước, với cánh vật gần gũi thân quen, người bình dân xứ Thanh xưa yêu quê hương, tự hào về quê hương. Vì thế trong lời ca hát đố của người bình dân, các câu ca ngợi về quê hương vẫn chiếm ưu thế. Họ đố với nhau tìm hiểu về cánh vật, quê hương ở Thanh Hóa như sông, núi, xóm, làng, chùa chiền... Đó là *núi Vực, núi Nhồi, núi Mật, núi Đổng, núi Nưa*...; là *làng Bút, làng Nhồi, làng Vạn, chùa Sỏi*... Ở nội dung này, bên nữ đố trước: "*Núi non kia hỡi núi non! Núi nào lấm nước trên nguồn chảy xuôi?/ Núi nào đá đỏ mình ôi?/ Núi nào lại có một nơi đá giòn?/ Núi nào đục mãi không mòn/ Núi nào lại có một cồn đá dai?/ Núi nào những trúc cùng mai?/ Núi nào lại có một vại hàng thông?*". Trả lời lại, nam đáp: "*Núi non này hỡi núi non!/ Núi Mật lấm nước trên nguồn chảy xuôi./ Núi Vực đá đỏ mình ơi!/ Bước sang núi Nấp là nơi đá giòn./ Núi Nhồi đục mãi không mòn, Bước sang núi Đổng một hòn đá dai./ Núi Thượng những trúc cùng mai./ Bước sang Sơn - viện một vại hàng thông.*"... "*Nóng Cống có dãy núi Nưa/ Chùa Sỏi là chùa có lấm cỏ Tiên*" [4; tr.166, 167, 168].

Tự hào về vẻ đẹp hữu tình của quê hương xứ Thanh, người bình dân xưa còn thông qua câu đố giới thiệu về làng nghề gắn với những nghề truyền thống rất đặc trưng ở Thanh Hóa như nghề dệt vải ở làng Bút, nghề nung vôi ở làng Nhồi, nghề nấu rượu ở làng Vạn, nghề nặn nôi ở làng Thổ Oa.... Ở nội dung này, nữ đố trước: "*Ố đầu làm được vại con/ Ố đầu gánh đất nặn nê cái nôi/ Ố đầu gánh đá nung vôi/Ố đầu nấu rượu cho người ta mua?/.../Ố đầu làm được mực đen/Ố đầu thàng tám có đèn kéo quân.*" Nam đáp: "*Làng Bút làm được vại con./ Thổ Oa gánh đất nặn nê cái nôi/ Làng Nhồi gánh đá nung vôi./ Làng Vạn nấu rượu cho người ta mua./...*" [4; tr.167, 168].

2.2.3. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát xe kết

Trên cơ sở đã biết về nhau qua *hát đôi, hát đố*, cuộc hát sẽ bước vào hát xe kết. Hát ghép đoạn này có màu sắc trữ tình hơn cả. Nội dung của hát xe kết là "*hướng đến cuộc sống bên nhau, nghĩ đến những ngày cưới xin, xây dựng cảnh gia đình êm ấm*" [4; tr.22], tức là hướng đến hôn nhân, gia đình. Ngữ nghĩa của từ ngữ trong hát xe kết mượt mà, tình tứ. Các từ loại là động từ chỉ sự nối kết, các tính từ chỉ tình cảm yêu thương được sử dụng nhiều. Lời của nam tình cảm tha thiết, nhớ nhung, mong ước được kết duyên: "*Đôi ta từ lúc gặp nhau/ Tình yêu gắn bó như cau với trầu/ Những đêm trăng sáng canh thâu./ Chi mong được bắc nhịp cầu Ngân giang/ Cùng nhau chung gối, chung màn/ Đẽ đôi ta được phi nguyên ước ao.... Gió đưa duyên tới gác Đăng/ Sao còn tưởng gió trống vắng hừng hờ./ Thương nàng, nàng cứ làm ngọc./ Bao giờ kết tóc xe tơ hỡi nàng?.../ Được như lời ấy thời thôi./ Anh về giết lợn, đồ xôi cưới liền!*". Lời của nữ đáp lại bộc bạch tình cảm nhớ thương chân thành và hướng đến hôn nhân: "*Lòng em thương nhớ ước ao./ Mười đêm em thấy chiêm bao cả mười./ Bóng cây thắp thoáng trên đôi/ Mà em cứ tưởng bóng người em thương/ Trách trời trách mẹ trách cha/ Cứ chi lại để đôi ta muộn màng./ Chàng mà có bụng yêu đương./ Xin chàng thu xếp trăm đường đi cho... Say mê chi bóng trăng thể/ Rời ra nên đạo phu thê vợ chồng*" [4; tr.177, 178].

2.3. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát ghẹo ở chặng thứ ba

Số lượng từ ngữ trong chặng hát này ít hơn từ ngữ ở chặng hát thứ nhất và chặng hát thứ hai (chỉ 121/695 câu, chiếm 17,3%). Điều đó cũng dễ hiểu vì chặng hát này là chặng hạn kết thúc, nam nữ không phải dài dòng tìm hiểu hoàn cảnh, từ tài, kiểm tra kiến thức, bóng gió yêu thương nhau mà họ sắp xa nhau nên để tạo niềm tin về tình yêu thêm sâu sắc, họ đã hứa, thề thốt, hát tiễn nhau bằng những từ ngữ ngắn gọn cô đọng, chan chứa tình cảm.

2.3.1. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát thề

Trước tiên có thể thấy, niềm tin, lời hứa về tình yêu bền vững được nam nữ ví von, liên hệ với các nhân vật trong truyện thơ Nôm như truyện Lưu Bình - Dương Lễ, các điển tích, các vật làm chứng như bóng trăng, ngọn núi được so sánh để thề thốt. Nam thề: “*Bây giờ tình lại gặp tình,/Khắc nào Châu Thị, Lưu Bình gặp nhau./Những mong kết nghĩa ngàn sau/Đem lời thề ước, những câu vừng bền.*”... *Đừng như cô gái Chương Đài/Trở trên bề liễu tặng ai với vàng...* [4; tr.180]. “*Anh thề có bóng trăng đây/Núi kia có lở tâm lòng này vẫn nguyên*”, “*Trần năm dạ ở đình ninh/Nào ai phụ ngãi, quên tình mặc ai!*” [4; tr.180]. Nữ thề: “*Đã thề phải giữ lời thề/Đừng như con khách tú bề hời vàng*” [4; tr.181]. Các từ ngữ chỉ địa danh về sông núi, xóm làng ở một số huyện tỉnh Thanh Hóa được vận dụng vào để làm nhân chứng, hoặc để so sánh với mối tình chung thủy của nam nữ. Nam thề: “*Ra đi anh có lời thề,/Dù Thổ - sơn có mất màu đất đỏ, anh cũng trở về với em.*”(Thổ sơn- quả núi ở xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia); “*Bao giờ lở núi Do - xuyên/ Cạn sông Lạch Bạng lời nguyên mới phai.*” (núi Do-Xuyên: thuộc xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia; sông Lạch Bạng; con sông làm ranh giới của hai xã Hải Bình và Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia). Và họ cùng thề: “*Đôi ta chích huyết ăn thề,/Kẻ ở Nông Cống, người về Quảng Xương,/Núi Nira có lở thành đường/Sông Đơ có lấp nên rừng cây xanh./Trời cao có đổ tan lành,/Đôi ta vẫn giữ trọn tình đôi ta.*” [4; tr.181].

2.3.2. Ngữ nghĩa từ ngữ trong hát dặn, hát tiễn

Sau cùng và cũng là kết thúc chặng hát thứ ba, kết thúc cuộc hát Ghẹo, nam nữ hát dặn, hát tiễn để chia tay nhau. Ngữ nghĩa trong từ ngữ lời ca quyến luyến như nhung, dùng dằng, bịn rịn. Nam hát: “*Ra về chân lại đá lui/Bâng khuâng nhớ bạn, bùi ngùi nhớ em./Ra về, ền bắc nhận đông./Hai hàng châu lệ rơi sóng cầu Chày...*”. Nữ đáp: “*Ra về dưới đất trên sương/Ái ân ngàn nỗi, tơ vương lạnh lũng.*” [4; tr.184]. Và rất dứt khoát, họ hứa hẹn điều tốt đẹp: “*Ta già ơn nhau, ta về kéo tôi/Kèo đường lẫn lội, kèo đường gai chông./Một mai nên vợ nên chồng./Ta đi một lối về chung một đường...*” - “*Gió vàng hiu hắt đêm thanh,/Đường xa, nhà ngái sao anh vôi vế?*” - “*Anh về vài bữa anh ra/Đem em với mẹ về nhà ở chung*” [4; tr.184].

3. KẾT LUẬN

Từ ngữ trong Hát Ghẹo Thanh Hóa mộc mạc, giản dị, đơn giản nhưng đó là những từ ngữ đã được chọn lọc phù hợp với tư duy, cảm nhận có tính thẩm mỹ của người hát. Từ ngữ trong hát Ghẹo Thanh Hóa đã thể hiện tri tuệ thông minh, sự hiểu biết về kiến thức

trong cuộc sống lẫn kiến thức sách vở, kiến thức văn chương, lẫn tài ứng đối biến hóa linh hoạt trong hát giao duyên của những chàng trai cô gái, góp phần phản ánh đời sống tinh thần, tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn khỏe khoắn, lạc quan yêu đời của người lao động. Việc chỉ ra ngữ nghĩa của từ ngữ trong Hát Ghẹo Thanh Hóa theo đó cũng góp phần làm sáng rõ sự giàu đẹp của từ vựng tiếng Việt, vẻ đẹp độc đáo trong ngôn từ của một loại hình văn học diễn xướng. Hiện nay, Hát Ghẹo Thanh Hóa đang bị thờ ơ, mai một theo thời gian. Để giữ gìn bản sắc văn hóa quê hương cũng là bản sắc văn hóa dân tộc, Hát Ghẹo Thanh Hóa cần được nghiên cứu, bảo tồn, phát huy và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Đinh Trọng Lạc (1998), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nhóm Lam Sơn (1965), *Dân ca Thanh Hóa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5] Vũ Ngọc Phan (1981), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, tái bản lần thứ 7, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2002), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Bách khoa toàn thư mở (2017), *Hát ghẹo*, nguồn: <http://tudienwiki.com/hat-ghео/>

SEMANTIC VALUES OF WORDS IN THANH HOA TEASING SONG

Le Thi Thu Binh

ABSTRACT

Approaching the aspect of linguistics, on the basis of words in teasing songs studied in the volume "Thanh Hoa Folk Song, Literature Publishing House, Hanoi, 1965 by Lam Son group", the article highlights the semantic values of words in Thanh Hoa teasing song presented by men and women at each stage of song. The article contributes to the study of Vietnamese vocabulary classes in performance literature, thereby highlighting the uniqueness in the cultural and spiritual heritage of Thanh Hoa, contributing to the preservation of Thanh Hoa cultural identity, Vietnamese national identities.

Keywords: *Teasing song, folk song, semantic values of words, Vietnamese vocabulary classes, cultural identity.*

* Ngày nộp bài: 11/10/2019; Ngày gửi phản biện: 23/10/2019; Ngày duyệt đăng: 8/11/2019

* Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở mã số ĐT-2018-11 của Trường Đại học Hồng Đức.